TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 13-03-2025
V/v tranh chấp HNGĐ- ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Hoàng Nguyên;
Ông Lê Văn Hùng;

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân Tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 13 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tỉnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2024, về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình - ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 06/2024/QĐXX-ST ngày 24 tháng 02 năm 2025 giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh T, C - C1, sinh ngày 30/01/1983.

Địa chỉ: Số A, hẻm H, đoạn A, lộ T, khóm A, phường L, khu M, thành phố C, Đài Loan.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị Diễm T1, sinh ngày 23/02/1996.

Địa chỉ: Số C, ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh T, C - C1 và chị Lê Thị Diễm T1 có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Nguyên đơn anh T, C - C1 trình bày:

- Về hôn nhân: Thông qua mai mối, anh T, C - C1 và chị Lê Thị Diễm T1 quen biết nhau từ ngày 16/4/2024. Sau đó, hai người kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50/2024, do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 23/5/2024.

Đến ngày 27/5/2024, anh T, C - C1 trở về Đài Loan, còn chị T1 ở Việt Nam.

Sau thời gian quen biết, anh T, C - C1 nhận thấy vợ chồng bất đồng ngôn ngữ, có những mâu thuẫn, xảy ra cải nhau, phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đời sống vợ chồng không hạnh phúc; Nhiều lần vợ chồng tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không được.

Hiện nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, chỉ còn liên lạc về vấn đề ly hôn.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; đời sống chung không thể kéo dài. Nay anh T, C - C1 yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giải quyết cho anh được ly hôn chị Lê Thị Diễm T1.

- Về con chung: Không có

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

2. Bị đơn chị** Lê Thị Diễm T1 **có văn bản ý kiến trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Trước đây, thông qua sự mai mối thì chị T1 và anh T, C - C1 quen biết nhau từ ngày 16/4/2024. Sau thời gian quen biết và tìm hiểu thì hai người kết hôn, có đăng ký kết hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50/2024 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 23/5/2024).

Đến ngày 27/5/2024 thì anh T, C - C1 trở về lại Đài Loan sinh sống, còn chị T1 thì làm việc tại Việt Nam.

Quá trình vợ chồng sinh sống, vợ chồng gặp khó khăn trong giao tiếp do bất đồng ngôn ngữ. Thậm chí, xuất hiện rất nhiều mâu thuẫn và xảy ra cải nhau nên đời sống vợ chồng lúc nào không khí cũng nặng nề và không thể hạnh phúc.

Tuy rất nhiều lần vợ chồng tìm cách hàn gắn tình cảm thế nhưng không được mà còn trầm trọng hơn.

Hiện nay, giữa vợ chồng không còn quan tâm, không còn chăm sóc và không còn yêu thương nhau.

Nay anh T, C - C1 yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giải quyết ly hôn với chị thì chị T1 cũng đồng ý và thống nhất để Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xem xét giải quyết. Mong sao thủ tục giải quyết nhanh chóng để vợ chồng có cuộc sống riêng.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Lê Thị Diễm T1 xin vắng mặt tại các phiên tòa;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Anh T, C - C1 và chị Lê Thị Diễm T1 kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 50/2024, việc kết hôn của anh T, C - C1 và chị Lê Thị Diễm T1 là phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 470 của Bộ luật tố tụng dân sự N, thì việc ly hôn giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam; Theo quy định tại Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vụ án ly hôn này được áp dụng pháp luật Việt Nam để giải quyết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên tòa, anh T, C - C1 và chị Lê Thị Diễm T1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của anh T, C - C1 về việc yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Diễm T1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T, C - C1 và chị Lê Thị Diễm T1 tiến đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50/2024 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 23/5/2024); Sau khi kết hôn, anh T, C - C1 trở về lại Đài Loan, còn chị T1 sinh sống và làm việc tại Việt Nam; Theo anh T, C - C1 thì cho rằng cuộc sống giữa anh và chị T1 không phù hợp, bất đồng ngôn ngữ, có những mâu thuẫn, xảy ra cải nhau, phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đời sống vợ chồng không hạnh phúc; Nhiều lần vợ chồng tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không được nên anh T, C – C1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T1. Còn chị T1 thì cũng thừa nhận thời gian sống chung cũng như việc vợ chồng có đăng ký kết hôn như anh T, C – C1 trình bày, thời gian sống chung thì đã bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, nên xảy ra nhiều mâu thuẫn, không khí gia đình rất nặng nề, giữa chị và anh T, C – C1 đã cố gắng để hàn gắn tình cảm nhưng càng ngày càng trầm trọng hơn; Nay anh T, C – C1 làm đơn yêu cầu ly hôn với chị thì chị T1 cũng đồng ý.

Hiện nay, anh T, C - C1 và chị T1 không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, chỉ còn liên lạc với nhau về vấn đề ly hôn.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; đời sống chung không thể kéo dài. Nên nay anh T, C - C1 yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giải quyết cho anh được ly hôn chị Lê Thị Diễm T1 và chị T1 cũng đồng ý ly hôn với anh T, C - C1; Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp nên chấp nhận.

- Về con chung; tài sản chung và nợ chung: anh T, CHIH-CHUNG và chị Lê Thị Diễm T1 đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T, C - C1 phải chịu tiền án dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; 81; 82; 83 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 147, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm b khoản 1 Điều 470, khoản 5 Điều 477 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của anh T, C - C1.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T, C - C1 được ly hôn với chị Lê Thị Diễm T1.

- Về con chung; tài sản chung và nợ chung: anh T, C - C1 và chị Lê Thị Diễm T1 đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh T, C - C1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000006 ngày 04/12/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, anh T, C - C1 đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết lệ theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận*:** - Phòng KTNV-THA TAND Tỉnh; - VKSND Tỉnh; - Cục THADS Tỉnh; - UBND H. Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; - Đương sự;	**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM** **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: VT, HSVA, TDS.

Nguyễn Thị Võ Trinh